



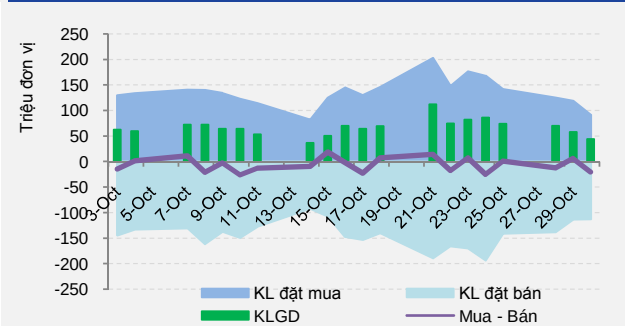
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 30/10/2013

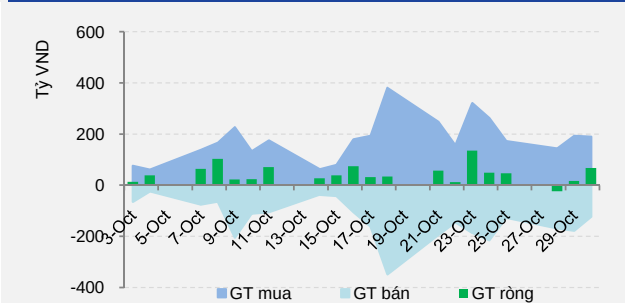
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	499.1	61.6
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	44,271,658	21,223,381
GTGD (tỷ đồng)	739.56	184.01
Tổng cung (CP)	112,203,540	57,313,900
Tổng cầu (CP)	91,780,790	43,510,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,730,490	566,631
KL mua (CP)	4,261,240	593,700
GTmua (tỷ đồng)	190.02	6.11
GT bán (tỷ đồng)	122.86	4.94
GT ròng (tỷ đồng)	67.16	1.17

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.84%	7.4	1.6	2.0%
Công nghiệp	↓ -0.19%	385.8	1.0	14.6%
Dầu khí	↑ 0.84%	7.4	1.5	6.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.16%	13.6	1.8	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.01%	8.2	2.7	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.19%	12.2	5.0	17.9%
Ngân hàng	↓ -0.07%	7.1	1.3	20.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.10%	9.0	2.0	7.8%
Tài chính	↑ 0.48%	17.7	2.5	18.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 1.29%	8.8	3.3	9.3%
VN - Index	↑ 0.40%	12.8	2.9	80.3%
HNX - Index	↑ 0.13%	31.8	1.5	19.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	547,350	1.0%	411,050	0.7%
GTGD (tỷ VND)	10,855	1.2%	9,537	1.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm. Diễn biến tăng điểm không đi kèm với cải thiện thanh khoản cho thấy lực cầu còn thận trọng. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm so với mức cao nhất, đã tăng được hỗ trợ không nhỏ của một số cổ phiếu lớn (GAS, CTG, MSN, VIC). Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều. Mốc 500 điểm vẫn là ngưỡng cản tâm lý khiến nhà đầu tư thận trọng.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm với thanh khoản cải thiện nhẹ. Tuy nhiên mức độ tăng giảm dần về cuối phiên trước áp lực cung tại ngưỡng cản của đường MA200.

Thị trường có thể tiếp tục tăng điểm, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật trong phiên ngày mai. Tuy nhiên với thực tế lực mua còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 495 điểm đối với VN-Index, 61 điểm đối với HNX-Index. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét tái cơ cấu danh mục theo hướng chuyển sang cổ phiếu cơ bản tốt, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 1.99 điểm (0.4%), lên 499.07 điểm. Mốc cao nhất chỉ số thiết lập trong phiên là 500.97 điểm.

- HNX-Index tăng 0.08 điểm (0.14%), lên 61.58 điểm, phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp. Mức cao nhất trong phiên của chỉ số này là 61.86 điểm.

- Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư 141 hướng dẫn thi hành Nghị định 92 của Chính phủ về việc thi hành một số điều sửa đổi tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế giá trị gia tăng. Theo đó, sẽ giảm 50% thuế VAT với việc bán, cho thuê mua nhà ở thương mại thuộc diện được cho vay gói hỗ trợ nhà ở. Mức thuế này sẽ được áp dụng với số tiền thanh toán trong thời gian từ 1/7/2013 đến 30/6/2014. Cũng theo Thông tư, giao dịch bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội sẽ được áp dụng thuế suất thuế VAT 5% kể từ ngày 1/7. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/11 tới và áp dụng cho các kỳ khai thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng kể từ ngày 1/7/2013.

- Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, tính đến thời điểm này toàn quốc đã có 84 dự án nhà ở xã hội được triển khai xây dựng với quy mô khoảng 51895 căn hộ, tổng mức đầu tư 23822 tỷ đồng, 39 dự án dự án nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, quy mô trên 26837 căn hộ, tổng mức đầu tư 6800 tỷ đồng. Tính riêng từ đầu năm 2013, có 15 dự án nhà ở xã hội được triển khai xây dựng mới và nhiều dự án nhà ở xã hội đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư để triển khai. Theo Bộ Xây dựng, nguyên nhân gói hỗ trợ nhà ở trị giá 30 nghìn tỷ đồng chậm triển khai do số lượng nhà ở thuộc diện được vay vốn còn thấp, trong khi quy định hiện hành không cho phép thế chấp căn hộ hình thành trong tương lai.

- Thị trường liên Ngân hàng tiếp tục ổn định trở lại. Lãi suất kỳ hạn qua đêm giảm xuống còn 4.43%, so với mức cao trên 5% vào cuối tuần trước. Tìm hiểu tại các Ngân hàng, nhiệm vụ giải ngân tín dụng đang được các Ngân hàng chú trọng triển khai, phục vụ nhu cầu tín dụng thời điểm cuối năm cũng như có thể đạt được giá trị tín dụng cao trong năm tài khóa mới. Tính đến 21/10, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống mới đạt 6.43%, đạt một nửa so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12% của năm 2013. Có thể kỳ vọng dòng tiền từ tín dụng bơm ra nền kinh tế cải thiện trong 2 tháng cuối năm, tuy nhiên khả năng hoàn thành mục tiêu tín dụng năm ở mức thấp.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.99 điểm (0.4%), lên 499.07 điểm. Mốc cao nhất chỉ số thiết lập trong phiên là 500.97 điểm.

- KLGD tiếp tục giảm 28% so với phiên trước, xuống 34.8 triệu đơn vị (thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 phiên - khoảng 63 triệu).

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 56 điểm, tuy nhiên tâm lý thị trường còn khá thận trọng. Chỉ báo MACD vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm. Diễn biến tăng điểm không đi kèm với cải thiện thanh khoản cho thấy lực cầu còn thận trọng. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm so với mức cao nhất, đà tăng được hỗ trợ không nhỏ của một số cổ phiếu lớn (GAS, CTG, MSN, VIC). Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều. Mốc 500 điểm vẫn là ngưỡng cản tâm lý khiến nhà đầu tư thận trọng.

Diễn biến VN-Index phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 495 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.08 điểm (0.14%), lên 61.58 điểm, phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp. Mức cao nhất trong phiên của chỉ số này là 61.86 điểm.

- KLGD tăng 9% so với phiên trước, lên 20.4 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 21 ngày (27 triệu đơn vị).

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 55.6 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục xu hướng giảm, tiến gần đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm với thanh khoản cải thiện nhẹ. Tuy nhiên mức độ tăng giảm dần về cuối phiên trước áp lực cung tại ngưỡng cản của đường MA200.

Diễn biến HNX-Index phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Với thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 61 điểm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNH	HOSE	47.61	250.8%	6.68	1964.7%	63.91	77.4%	-1.3	-62.5%	-32.5%	0.4%
2	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
3	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
4	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
5	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
6	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
7	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
8	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
9	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
10	HNM	HNX	66.26	119.4%	0.58	241.7%	195.7	104.0%	1.86	-107.5%	60.0%	4.4%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FCM	HOSE	22.69	#DIV/0!	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20475.0%	17.1%	4.2%
2	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
3	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
4	ORS	HNX	1.94	47.5%	-1.24	-138.5%	7.36	46.0%	-1.62	415.4%	-77.1%	0.0%
5	PSI	HNX	37.52	151.8%	0.26	107.1%	117.44	117.3%	2.09	380.0%	104.0%	17.8%
6	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
7	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
9	PGC	HOSE	743.06	84.6%	20.4	115.4%	2336.77	97.7%	63.56	176.4%	98.4%	4.7%
10	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
2	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
3	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
4	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
5	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
6	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
7	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
8	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
9	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%

Ghi chú: Chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

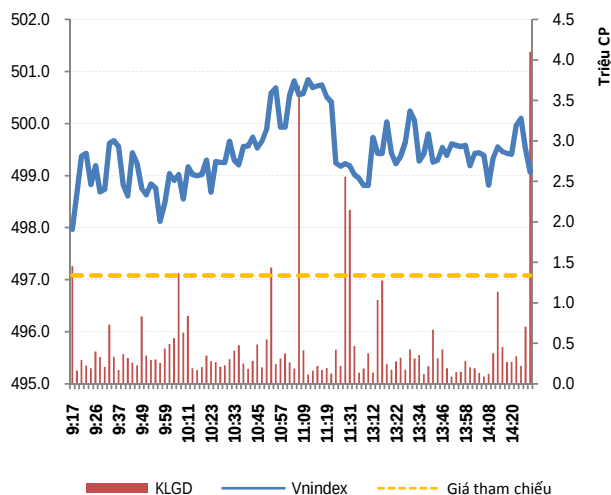
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

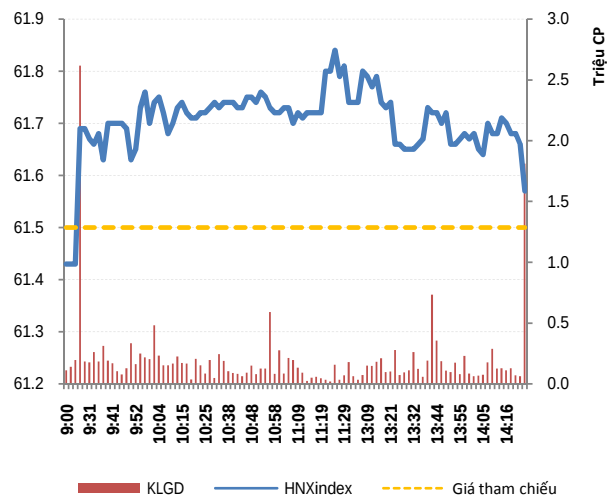
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 30/10/2013.



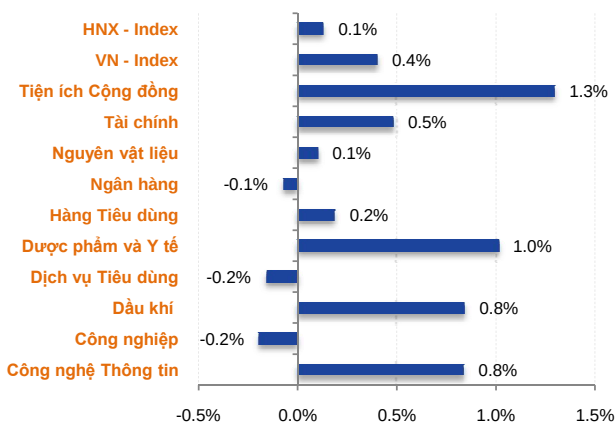
KLGD và VN-Index trong phiên



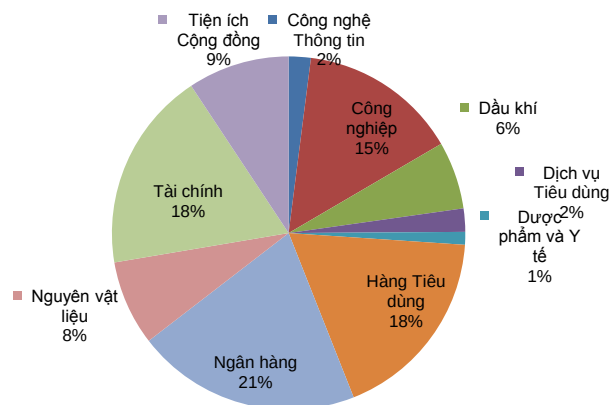
KLGD và HNX-Index trong phiên



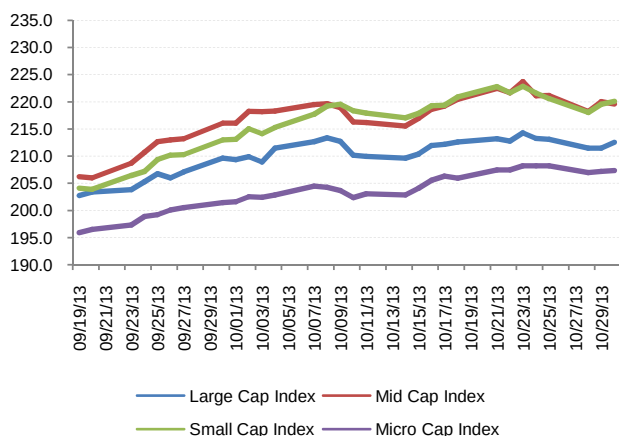
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



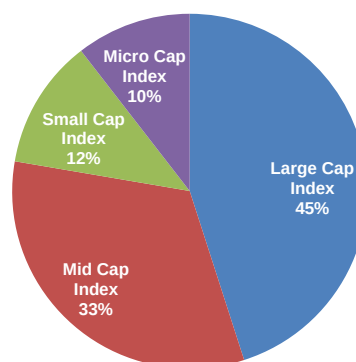
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	777,200	ITA	1,638,200
2	HAG	462,680	NBB	112,980
3	MSN	292,660	HBC	78,000
4	DPM	202,270	GAS	68,500
5	VIC	165,880	STB	52,680

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	367,200	VGS	327,000
2	PVS	104,700	DBC	136,000
3	VNT	20,300	KHL	28,000
4	PLC	20,000	VCG	25,000
5	GLT	14,800	PGS	8,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CTG	17.4	17.7	↑ 1.72%	8,579,510
ITA	6.1	6.1	→ 0.00%	4,627,818
VNE	5.5	5.5	→ 0.00%	1,556,340
HAG	22.5	22.6	↑ 0.44%	1,270,010
PVT	9.7	9.6	↓ -1.03%	1,190,380

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	16.2	16.6	↑ 2.70%	2,446,453
VGS	4.8	4.9	↑ 3.10%	1,783,017
SCR	5.8	5.7	↓ -1.12%	1,641,895
PVX	2.3	2.2	↓ -3.04%	1,577,008
VCG	9.2	9.3	↑ 0.59%	1,151,357

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
DXV	3.0	3.2	0.2	↑ 6.67%
VNI	4.7	5.0	0.3	↑ 6.38%
APC	12.8	13.6	0.8	↑ 6.25%
UDC	3.3	3.5	0.2	↑ 6.06%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDA	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
SDG	22.0	24.2	2.2	↑ 10.00%
TDN	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VFR	5.5	6.0	0.5	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMC	25.8	24.0	-1.8	↓ -6.98%
ASIAGF	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
HSI	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
PIT	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%
TSC	7.8	7.3	-0.5	↓ -6.41%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.50%
PHH	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
NHA	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.52%
PCG	5.5	5.0	-0.5	↓ -9.09%
DPC	15.8	14.4	-1.4	↓ -9.08%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	8,579,510	19.2%	2,578	6.9	1.2
ITA	4,627,818	0.3%	31	199.3	0.5
VNE	1,556,340	-1.1%	(122)	-	0.5
HAG	1,270,010	5.0%	938	24.1	1.3
PVT	1,190,380	5.6%	630	15.2	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	2,446,453	16.4%	2,738	6.1	1.0
VGS	1,783,017	2.4%	326	15.4	0.4
SCR	1,641,895	-3.1%	(450)	-	0.4
PVX	1,577,008	-67.8%	(4,616)	-	0.5
VCG	1,151,357	1.3%	150	60.6	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 14.3%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
DXV	↑ 6.7%	3.5%	349	9.2	0.3
VNI	↑ 6.4%	1.7%	175	28.6	0.5
APC	↑ 6.3%	6.6%	882	15.4	1.0
UDC	↑ 6.1%	0.2%	18	193.3	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HDA	↑ 10.0%	14.3%	1,364	6.5	0.7
SDG	↑ 10.0%	20.8%	3,236	6.2	1.2
TDN	↑ 10.0%	-1.2%	(203)	-	0.6
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
VFR	↑ 9.1%	3.3%	630	8.7	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	777,200	19.2%	2,578	6.9	1.2
HAG	462,680	5.0%	938	24.1	1.3
MSN	292,660	3.9%	856	95.2	3.8
DPM	202,270	28.7%	7,064	5.9	1.6
VIC	165,880	38.3%	4,973	13.5	4.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	367,200	-2.9%	(335)	-	0.6
PVS	104,700	16.4%	2,738	6.1	1.0
VNT	20,300	26.2%	4,833	5.4	1.4
PLC	20,000	18.3%	2,927	6.0	1.1
GLT	14,800	29.6%	4,538	3.1	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	68,132	9.9%	1,785	16.5	1.7
CTG	65,904	19.2%	2,578	6.9	1.2
VIC	60,885	38.3%	4,973	13.5	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,460	16.4%	2,738	6.1	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	571	42.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.77	9.9%	1,250	6.8	0.7
KBC	2.56	-10.2%	(1,412)	-	0.7
STT	2.44	-17.6%	(1,718)	-	0.3
ITA	2.15	0.3%	31	199.3	0.5
DIG	2.12	0.0%	0	41,748.3	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.39	1.3%	150	60.6	0.8
TTZ	3.07	1.3%	135	22.9	0.3
SCR	3.00	-3.1%	(450)	-	0.4
SDH	2.91	-16.1%	(1,276)	-	0.6
PVX	2.86	-67.8%	(4,616)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)